

Bản án số 125/2019/HNGĐ- ST

Ngày 31/10/2019

*V/v: Không công nhận là vợ chồng
giữa chị T và anh E.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;

2. Ông Nguyễn Tiến Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 447/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐXX- ST ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Trí E, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1990, chị và anh E đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh E ngay. Trước khi tổ chức đám cưới, chị và anh E có được tự nguyện tìm hiểu. Do hiểu biết pháp luật hạn chế và mãi làm ăn kinh tế nên đến nay chị và anh E vẫn chưa đăng ký kết hôn. Chị và anh E chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh E thường xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân do chị và anh E tu tính cách ngày càng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Chị và anh E sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ năm 2017. Nay chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh E được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh E là vợ chồng.

Về con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo, bị đơn anh Vũ Trí E trình bày như lời khai của chị T. Nay chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố chị và anh không phải là vợ chồng, anh đồng ý. Về con chung; tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và Vũ Trí E là vợ chồng. Về con chung; tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, anh Vũ Trí E có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T chung sống như vợ chồng với anh Vũ Trí E từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh E đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Nay chị T, anh E xác định không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Trí E là vợ chồng.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004226 ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân